

Hungary: Hành trình về phương Đông của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös (1784-1842)

ISSN: 2734-9195 14:30 11/11/2025

Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös hiện thân với cuộc sống giản dị, an bần lạc đạo. Ngài thường ngủ trên nền đất trống. Ngài chủ yếu ăn bánh mì, phô mai, trái cây, salad, hoặc cơm trắng và trà. Ngài hiếm khi ăn thịt và không bao giờ uống rượu.

Viết dịch: **Sa môn Lê Văn Phước**

Nguồn: <https://kids.kiddle.co>

Tóm tắt

Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös (tiếng Hungary: 'ja:ndor 'kø:røʃi 'tʃomɒ); tên khai sinh là Sándor Csoma; (27 tháng 3 năm 1784/8 - 11 tháng 4 năm 1842) là một nhà ngôn ngữ học và Đông phương học người Hungary, tác giả của cuốn từ điển và ngữ pháp tiếng Tây Tạng-Anh đầu tiên. Ngài được gọi là Phyi-glin-gi-grwa-pa, trong tiếng Tây Tạng có nghĩa là “*nhà nghiên cứu sinh ngoại quốc*”, được người Nhật Bản phong là một Bosatsu hay Bồ tát vào năm 1933.

Ngài sinh ra tại Kőrös, Đại Công quốc Transylvania (ngày nay là một phần của Covasna, Romania). Ngày sinh của Ngài thường được ghi là 4 tháng 4, mặc dù thực ra đây là ngày rửa tội của Ngài và năm sinh của Ngài vẫn còn gây tranh cãi bởi một số tác giả, họ cho rằng là 1787 hoặc 1788 chứ không phải 1784. Ngài thuộc nhóm dân tộc Magyar, người Székely tin rằng họ có nguồn gốc từ một nhánh của người Hung dưới thời Attila, những người đã định cư ở Transylvania vào thế kỷ V.

Với hy vọng nghiên cứu và tìm ra nguồn gốc của người Székely và người Magyar bằng cách nghiên cứu mối quan hệ ngôn ngữ, Ngài đã lên đường đến châu Á vào năm 1820, dành cả cuộc đời để nghiên cứu tiếng Tây Tạng và **triết học Phật giáo**.

Bồ tát Csoma de Kőrös được coi là người sáng lập ra Tây Tạng học. Người ta nói rằng Ngài có thể đọc được mười bảy thứ tiếng. Ngài viên tịch tại Darjeeling khi

đang cố gắng thực hiện một chuyến đi đến Lhasa vào năm 1842. Sau đó, Hiệp hội Châu Á Bengal đã dựng một đài tưởng niệm để vinh danh Ngài.



Ảnh: kids.kiddle.co

Tìm hiểu cuộc đời của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Nhà ngữ văn và nhà phương Đông học, Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös (Alexander Csoma de Kőr, 1784-1842), với hy vọng tìm thấy quê hương cổ xưa của người Hungary, muốn thực hiện chuyến đi đến Ấn Độ qua Afghanistan, và xa hơn nữa là Mông Cổ qua Tây Tạng. Cuối cùng, Ngài đến một khu vực nằm ở bang Jammu và Kashmir, Ấn Độ, nằm ở phía Bắc của Ấn Độ.

Trong thời gian này, tại thung lũng Zaskar nép mình ở một góc hẻo lánh của Ladakh, là một trong những địa điểm mê hoặc nhất để ghé thăm trên dãy Himalaya của Ấn Độ - Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös là người châu Âu đầu tiên đến thăm thung lũng Zaskar tuyệt đẹp, Ngài đã đắm mình trong 16 tháng nghiên cứu chuyên sâu về tiếng Tây Tạng và Phật giáo Ấn Độ-Tây Tạng là cốt lõi của nền văn học này, với một vị Lạt ma địa phương, Sangs-rgyas-phun-tshogs.



Sándor Csoma

Ảnh: kids.kiddle.co

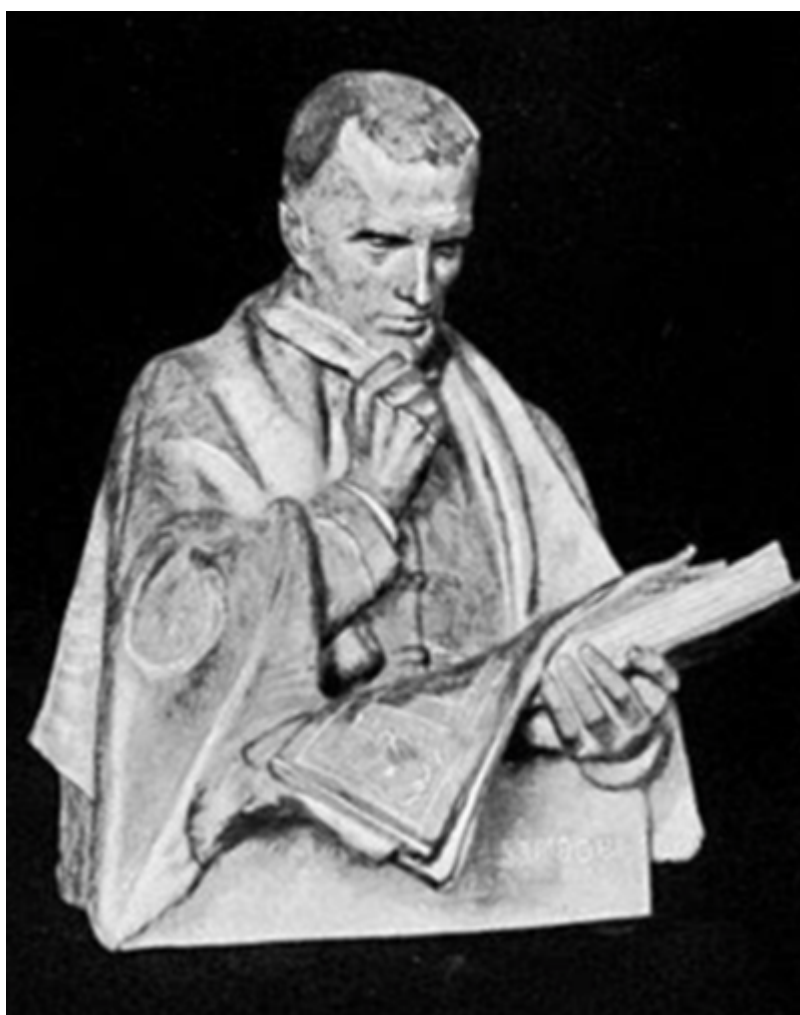
Cuộc thời thơ ấu và giáo dục ở Transylvania

Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös sinh ngày 27/03/1784 tại Kőrös, Đại công quốc Transylvania (ngày nay là một phần của Covasna, Romania). Ngài thị hiện tái sinh và trưởng thành trong một gia đình nghèo, thuộc một phân nhóm người Hungary chủ yếu sống tại Székely Land thuộc România. Ngài là con thứ sáu của cụ ông András Csoma và cụ bà Krisztina Getse. Tên tiếng Anh của Ngài là Alexander Csoma của Koros. Phụ thân của Ngài là một người lính trong Lực lượng Biên phòng Székely.

Thuở ấu thơ, Ngài theo học tại một trường làng địa phương. Năm 1799, Ngài vào học tại Bethlen Kollégium, một trường nội trú ở Nagyenyed (nay là Aiud). Ngài được học miễn phí tại đó bằng cách lao động chân tay. Ngài ảnh hưởng rất

lớn bởi Giáo sư Samuel Hegedüs (1781- 1844), viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm Khoa học Hungary.

Sau khi rời ghế nhà trường vào năm 1807, Ngài tiếp tục học đại học và bắt đầu quan tâm đến lịch sử. Năm 1815, Ngài hoàn thành chương trình Đại học tại Bethlen Kollégium. Sau đó, Ngài nhận được học bổng du học tại Đại học Göttingen ở Đức. Tại đây, Ngài bắt đầu học tiếng Anh và chịu ảnh hưởng của nhà thần học, nhà ngữ văn và nhà Đông phương học người Đức, Giáo sư Johann Gottfried Eichhorn (1752- 1827).



Ảnh: kids.kiddle.co

Nghiên cứu ngôn ngữ ở Göttingen

Từ năm 1816 - 1818, Ngài tập trung vào việc học các ngôn ngữ phương Đông. Tại Göttingen, Ngài được biết đến là người thông thạo 13 ngôn ngữ. Trong số đó bao gồm tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Do Thái, tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Rumani, bên cạnh tiếng Hungary bản xứ. Sau đó, tại Calcutta, Ngài còn học thêm tiếng Bengal, tiếng Marathi và tiếng Sanskrit (Phạn ngữ).

Năm 1818, Ngài trở về Transylvania, một vùng đất lịch sử ở Trung bộ nước România. Tháng 2 năm 1819, Ngài nói với Giáo sư Samuel Hegedüs, rằng Ngài dự định học tiếng Slavơ ở Croatia. Ngài đi bộ đến Agram và ở lại đó vài tháng. Ngài nhận được một ít tiền từ Michael de Kenderessy để giúp Ngài trong chuyến đi.



Ảnh: kids.kiddle.co

Hành trình về phương Đông của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Sự kỳ diệu trên hành trình về phương Đông của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös sau khi rời Croatia chủ yếu được biết đến qua một bức thư Ngài viết. Ngài đã gửi nó cho một Đại úy người Anh tên Kennedy, người đã chặn ông lại vì nghĩ rằng Ngài có thể là gián điệp. Ngài không có hộ chiếu Hoàng gia mà sử dụng hộ chiếu Hungary.

Cuối năm 1819, Ngài đến thăm các nơi như Bucharest và sau đó đến Wallachia. Ngài đã cố gắng đến Constantinople nhưng không tìm được đường. Vì thế, vào ngày 1 tháng 1 năm 1820, Ngài rời Bucharest, băng qua sông Danube và đến Sofia, rồi Plovdiv.



Ảnh: kids.kiddle.co

Những cuộc phiêu lưu ở Trung Đông và Trung Á

Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös đến Edirne (Adrianopolis) và định tới Constantinople nhưng phải rời đi vì dịch bệnh. Ngài đi thuyền đến Alexandria ở Ai Cập, nhưng một dịch bệnh khác đã buộc Ngài phải rời đi nhanh chóng. Sau đó, Ngài đi tàu đến Larnaca ở Cộng Hòa Síp (Cyprus), một địa điểm du lịch nổi tiếng tại Địa Trung Hải, rồi đến Tripoli và Latakia.

Từ Latakia, Ngài đi bộ đến Aleppo ở Syria và đến nơi vào ngày 13 tháng 4. Ngài khởi hành vào tháng 5, nhập vào các nhóm du khách khác nhau và dùng bè trên sông. Ngài đi qua Urfa, Mardin và Mosul, cuối cùng đến Baghdad vào ngày 22 tháng 7. Ngài nhờ một cư dân người Anh, ông Rich, giúp đỡ. Ngài nhận được quần áo châu Âu và tiền từ ông Swoboda, một người bạn Hungary.

Ngài rời Baghdad vào ngày 4 tháng 9, đi cùng một đoàn lữ hành qua Kermanshah và Hamadan. Ngài đến Tehran vào ngày 14 tháng 10 năm 1820.

Ngài ở lại đó khoảng bốn tháng với sự giúp đỡ của Henry Willock.

Ngày 1 tháng 3 năm 1821, Ngài rời Tehran. Ngài thay quần áo châu Âu sang quần áo Ba Tư và để lại những lời nhắn bằng tiếng Hungary phòng trường hợp Ngài tử vong.

Ngài đến Meshed vào ngày 18 tháng 4. Do những vấn đề trong khu vực, Ngài không thể tiếp tục cho đến ngày 20 tháng 10. Ngài đến Bukhara vào ngày 18 tháng 11. Ngài dự định ở lại qua mùa đông nhưng đã rời đi sau năm ngày vì lo sợ quân đội Nga. Ngài gia nhập một đoàn lữ hành đi qua Balk, Kulm và Bamian. Cuối cùng Ngài đến Kabul vào ngày 6 tháng 1 năm 1822.

Ngài rời Kabul vào ngày 19 tháng 1 và hướng đến Peshawar. Ngày 26 tháng 1, Ngài gặp hai sĩ quan Pháp, ông Allard và ông Ventura. Họ cùng nhau đi đến Lahore. Ngài đến Lahore vào ngày 11 tháng 3 và rời đi vào ngày 23. Ngài đi qua Amritsar và Jammu để đến Kashmir vào ngày 17 tháng 4.

Ngày 9 tháng 5, Ngài rời Kashmir và đến Leh vào ngày 9 tháng 6. Ngài thấy tuyến đường đến Yarkand quá nguy hiểm. Ngày 16 tháng 7 năm 1822, trên đường trở về Kashmir, Ngài gặp William Moorcroft (1767- 1825), một nhà thám hiểm nổi tiếng người Anh. Ngài quyết định ở lại và cùng trở về Leh. Tại đây, nhà thám hiểm William Moorcroft giới thiệu Ngài với nhà địa lý người Anh, George Trebeck (1800-1825). Nhà thám hiểm William Moorcroft cũng cho Ngài mượn một cuốn sách "*Alphabetum Tibetanum Missionum Apostolicarum Commode Editum (1762)*". Ngài đã giúp nhà thám hiểm William Moorcroft dịch một lá thư tiếng Nga sang tiếng Latinh.

Trước khi nhà thám hiểm William Moorcroft rời Leh, Ngài đã xin ở lại với nhà địa lý George Trebeck. Sau đó, Ngài cùng nhà địa lý George Trebeck trở về Srinagar vào ngày 26 tháng 11. Ngài ở lại đó hơn 5 tháng. Trong thời gian này, Ngài trở nên rất hứng thú với tiếng Tây Tạng. Ngài đã trao đổi với nhà thám hiểm William Moorcroft về mong muốn được nghiên cứu những cuốn sách được tìm thấy trong các tu viện Phật giáo địa phương.



Ảnh: kids.kiddle.co

Nghiên cứu ở Ladakh

Nhà thám hiểm William Moorcroft đã viết thư giúp Ngài nhận được sự hỗ trợ từ viên sĩ quan cao cấp ở Leh và một Lạt ma ở Zanskar. Ngài rời Kashmir vào ngày 2 tháng 5 năm 1823 và đến Leh vào ngày 1 tháng 6. Từ đó, Ngài đi đến Yangla vào ngày 9 tháng 6. Ngài ở lại Zanskar từ ngày 20 tháng 6 năm 1823 đến ngày 22 tháng 10 năm 1824.

Ở Zanskar, Ngài học Phật pháp với một vị Lạt Ma. Khi mùa đông đến gần, Ngài quyết định chuyển đến Kullu. Ngài đến Subathu vào ngày 26 tháng 11. Tại đây, Đại úy Kennedy đã chặn Ngài lại, nghĩ rằng Ngài là gián điệp. Tuy nhiên, một lá thư từ nhà thám hiểm William Moorcroft đã giải thích Ngài là ai. Phải đến tháng 5, chính quyền Calcutta mới xóa bỏ mọi nghi ngờ đối với Ngài.

Ngày 6 tháng 6 năm 1825, Ngài rời Subathu và trở về Zanskar. Ngài trở lại Subathu vào ngày 17 tháng 1 năm 1827. Ngài kém vui vì vị Lạt Ma sư phụ của Ngài không thể dành đủ thời gian cho Ngài. Đại úy Kennedy viết rằng Ngài muốn nói về văn học Tây Tạng. Ông cũng lưu ý rằng Ngài không cần tiền bạc hay của cải và sống một cuộc sống rất bình lặng.

Trong thời gian ở Zanskar (Ngài là người châu Âu đầu tiên đến thăm thung lũng), Ngài đã dành mười sáu tháng để học tiếng Tây Tạng. Ngài cũng được học

về Phật giáo Ấn Độ-Tây Tạng từ vị Lạt Ma uyên bác Sangs-rgyas-phun-tshogs. Ngài là một trong những người châu Âu đầu tiên thực sự học tiếng Tây Tạng. Ngài đã đọc hai bộ kinh Phật đồ sộ: Đại tạng Kangyur (100 tập), tài liệu quan trọng về vô số quan điểm, niềm tin và các phương pháp tu tập trong Phật giáo và Tanjur (bStan-'gyur, 224 tập) là phần bổ sung cho phần trước, hay nói cách khác, là sự tiếp nối truyền thống của Đại tạng Kangyur. Những bộ kinh này chứa đựng bản dịch các kinh Phật từ Ấn Độ.

Từ tháng 5 năm 1827 đến tháng 10 năm 1830, Ngài sống tại Kanum ở Thượng Bashahr. Tại đây, Ngài nghiên cứu các bản thảo tiếng Tây Tạng mà Ngài đã thu thập được ở Ladakh. Chính phủ Anh trả cho Ngài khoản tiền hàng tháng là 50 rupee. Sau khi hoàn thành từ điển và ngữ pháp, Ngài đến Calcutta để xuất bản chúng.

Trong suốt hành trình của mình, Ngài đã dùng nhiều tên khác nhau để phù hợp. Trong số đó có Sikander (từ Alexander) với các tước hiệu như Beg hoặc Mulla. Ngài cũng được gọi là Rumi hoặc Roome, trở thành Rumpa trong tiếng Tây Tạng, có nghĩa là Ngài đến từ Rome. Đôi khi Ngài ký tên là Secunder Roome.

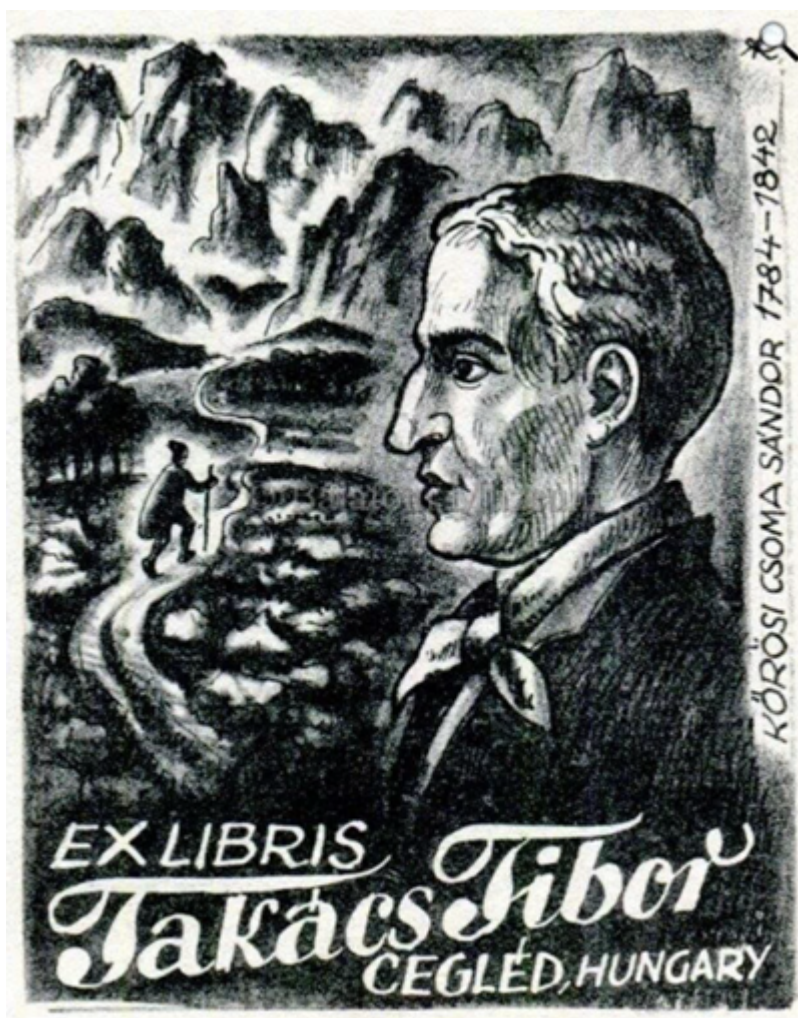


Ảnh: kids.kiddle.co

Cuộc sống ở Calcutta và Darjeeling

Năm 1831, Ngài gia nhập Hội Hoàng gia Châu Á (The Royal Asiatic Society of Great Britain and Ireland) Bengal tại Calcutta. Năm 1833, Ngài được bầu làm thành viên danh dự của Hội. Năm 1834, Ngài cũng trở thành thành viên danh dự của Hội Hoàng gia Châu Á. Từ năm 1837 đến năm 1841, Ngài làm Thủ thư cho Hội Hoàng gia Châu Á.

Năm 1842, Ngài dự định đến Lhasa, thủ phủ của Tây Tạng. Nhưng trên đường đi, chiếc thân tứ đại Ngài bất an do bị sốt rét và không may đã thanh thân trút hơi thở từ giã trần gian tại Darjeeling, một thành phố thuộc bang Tây Bengal của Ấn Độ.



Ảnh: kids.kiddle.co

Phong cách sống đơn giản của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös hiện thân với cuộc sống rất giản dị, an bản lạc đạo. Ngài thường ngủ trên nền đất trống. Ngài chủ yếu ăn bánh mì, phô mai, trái cây, salad, hoặc cơm trắng và trà. Ngài hiếm khi ăn thịt và không bao giờ uống rượu. Người ta nói Ngài có thể nhịn ăn nhiều ngày. Ngài có thể “sống

trong những hoàn cảnh khó khăn nhất, ở những vùng khí hậu và địa điểm khắc nghiệt nhất”. Ngài không bao giờ xin tiền cho công việc quan trọng của mình.



Ảnh: kids.kiddle.co

Tôn vinh Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Ngài là một trong những người châu Âu đầu tiên thành thạo tiếng Tây Tạng và đã đọc hai bộ bách khoa toàn thư vĩ đại về văn học Phật giáo Ấn Độ-Tây Tạng, Kangyur (100 tập) và bsTan-'gyur (224 tập), trong đó có bản dịch các sách Phật giáo được mang từ Ấn Độ về.

Hội Châu Á Bengal đã đặt một bia tưởng niệm tại Tháp của Ngài ở Darjeeling, Ấn Độ. Hiện nay, nó là một di tích lịch sử. Chính phủ Hungary cũng đặt một tấm bia ở đó. Trên bia có khắc lời của Bá tước Istvan Szechenyi: *“Một người Hungary nghèo khó, cô đơn, không tiếng vỗ tay hay tiền bạc, nhưng đầy nhiệt huyết đã tìm về quê hương Hungary, nhưng cuối cùng đã gục ngã dưới gánh nặng”*.

Có một dự án tu sửa cung điện hoàng gia cũ (Kharkongma) ở Zangla. Đây là nơi Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös sống và làm việc cho cuốn từ điển Tây Tạng-Anh

của Ngài.

Ngày 22/02/1933, tại Tokyo, Nhật Bản, Đại học Phật giáo Taishyo tôn phong Bồ tát (một vị thánh Phật giáo) cho Ngài với tiếng Nhật là danh hiệu Csoma Bosatsu. Một bức tượng Ngài ngồi trong tư thế hoa sen đã được đặt tại đền thờ của Đại học Phật giáo Tokyo.

Năm 1984, nhân dịp sinh thần lần thứ 200 của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös, chính phủ Hungary đã phát hành một con tem bưu chính in hình Ngài và những chuyến đi của Ngài.

Năm 1992, một công viên tưởng niệm Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös đã được khánh thành tại Tar, và chính Đức Đạt Lai Lạt Ma đã khánh thành công viên này.

Ngày 1 tháng 7 năm 1932, Hungary đã vinh danh Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös bằng một con tem bưu chính.

Ngày 30 tháng 3 năm 1984, một con tem khác của Hungary in hình Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös, chuyên gia về tiếng Tây Tạng. Một bản đồ Tây Tạng được in ở phía sau.

Tháng 9 năm 2010, trong loạt thuyết giảng hết sức được ưa chuộng tại Budapest, Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 Tenzin Gyatso - Giải Nobel Hòa bình 1989, được coi như một trong 3 “*Thánh nhân*” của thế kỷ thứ 20 - đã nhắc đến học giả Hungary, Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös, và xem đây là người có “*sự nghiệp vĩ đại*”.

Danh hiệu Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös (1784-1842) được xếp đầu trong số hơn 10 danh nhân Hungary trong bài học về các tên tuổi nổi bật của nền khoa học Hungary dành cho người nước ngoài muốn nhập tịch Hungary và vì thế, cần có kiến thức nền - những hiểu biết cơ bản và tổng hợp về quốc gia này - trước kỳ thi “*sát hạch*”.

Sách của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Essay towards a Dictionary, Tibetan and English, published in Calcutta, 1834.

Analysis of the Dulva, a part of the Kangyur, published in Calcutta, 1836.

Essay towards a Dictionary, Tibetan and English, reprinted in Budapest, 1984.

A Grammar of the Tibetan Language in English, published in Calcutta, 1834.

Grammar of the Tibetan Language, reprinted in Budapest, 1984.

Sanskrit-Tibetan-English Vocabulary: being an edition and translation of the Mahāvvyutpatti, published in Budapest, 1984.

Collected works of Alexander Csoma de Kőrös, published in Budapest, 1984.

Sách và Phim về Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös

Sách:

Duka, Theodore Life and works of Alexander Csoma de Kőrös. London: Trübner, 1885.

Mukerjee, Hirendra Nath Hermit-hero from Hungary, Alexander Csoma de Koros, the great Tibetologist. New Delhi: Light & Life Publishers, 1981.

Le Calloch, Bernard Alexandre Csoma de Kőrös. Paris: La nouvelle revue tibétaine, 1985.

Fox, Edward The Hungarian Who Walked to Heaven (Alexander Csoma de Koros 1784-1842). Short Books, 2001.

Phim:

A Guest of Life, a film by Tibor Szemző, 2006.

Zangla - Path of Csoma, a film by Zoltán Bonta, 2008.

Bài viết có tính học thuật

"New Discoveries about Alexander Csoma de Kőrös and the Buddhist Monasteries of Northern India" by Judith Galántha Herman.

"Alexander Csoma de Kőrös the Hungarian Bodhisattva" by Dr. Ernest Hetenyi.

Tìm tác phẩm của Bồ tát Sándor Csoma de Kőrös ở đâu?

Bạn có thể tìm thấy bản gốc của Từ điển và Ngữ pháp tiếng Tây Tạng và tiếng Anh bằng tiếng Anh tại Thư viện Vương quốc Liên hiệp Anh, trụ sở ở London.

Viết dịch: **Sa môn Lê Văn Phước**

Nguồn: <https://kids.kiddle.co>